TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **123**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Ngô Quốc Sự

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã K1, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 19, xã K2, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày. Ông C không quan tâm và có trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng bà nên thường xuyên xảy ra cự cãi, giận dỗi thậm chí còn xúc phạm và xô xát nhau. Mâu thuẫn kéo dài ngày càng gay gắt không thể hòa giải hàn gắn được. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trọng Nhân (nam) và Nguyễn Trọng Tín (nam) cùng sinh ngày 27/6/2019 hiện đang sống cùng với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi

mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay công việc của bà là bán bắp chuối, bán bánh, kinh doanh ăn uống tại nhà, thu nhập mỗi tháng được khoảng 8.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân, ông thống nhất lời trình bày của bà L về việc ông và bà L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung có 02 người con như nguyên đơn trình bày, trong tổng thời gian ông và bà L ly thân khoảng 05 tháng thì các con sống với ông được khoảng 01 tháng, sau đó bà L về dẫn các con về nhà ngoại sống đến nay. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 người con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Trường hợp Tòa án giao cả 02 người con cho bà L nuôi dưỡng hoặc giao cho ông và bà L mỗi người nuôi dưỡng 01 người con thì ông không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung ông thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung ông thống nhất không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Hiện nay thu nhập mỗi tháng của ông trung bình từ 5.000.000 đến 6.000.000 đồng xuất phát việc trồng rừng, nuôi tôm, bán cây giống, hợp đồng trồng rừng và cải tạo rừng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018 nhưng đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà L và ông C không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Bà L, ông C có 02 người con chung tên Nguyễn Trọng Nhân (nam) và Nguyễn Trọng Tín (nam) cùng sinh ngày 27/6/2019 hiện đang sống cùng bà L. Xét thấy công việc hiện nay của bà L có thời gian để chăm sóc con hơn ông C, do hai cháu còn quá nhỏ, cần rất nhiều thời gian quan tâm chăm sóc chu đáo. Tại phiên tòa ông C cũng xác định thời gian qua bà L chăm sóc hai con rất tốt, các con đều phát triển bình thường. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của các

cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao 02 người con cho bà L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L cầu ông C cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu của bà L là chính đáng, nhằm có điều kiện tốt hơn để nuôi dưỡng hai con, đây vừa là quyền lợi của các con đồng thời cũng là nghĩa vụ của ông C theo quy định pháp luật. Hiện nay ông C có thu nhập ổn định từ trồng rừng, nuôi tôm, bán cây giống, hợp đồng trồng rừng và cải tạo rừng nên mức cấp dưỡng bà L yêu cầu là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, về nợ chung, các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông C phải chịu án phí về phần cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 14, 53, 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng Nhân (nam) và cháu Nguyễn Trọng Tín (nam) cùng sinh ngày 27/6/2019 cho bà L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng Nhân (nam) và cháu Nguyễn Trọng Tín (nam) cùng sinh ngày 27/6/2019, mức cấp dưỡng cho mỗi cháu một tháng bằng 1.000.000 (một triệu) đồng. Hình thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/7/2023) cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi

hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0011098 ngày 10/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí về phần cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà L, ông C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý